

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2017

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến D.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn C
2. Bà Ngô Thị L
- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:* Ông Hà Văn C – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 03/2017/TLST-HNGĐ ngày 05-4-2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-8-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31-8-2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị G, sinh năm 1981

Trú tại: Khu tập thể Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát (Thuộc khu 4, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982

Trú tại: Khu 3, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2017; Bản tự khai ngày 28-02-2017; Biên bản hòa giải giải 02-6-2017 và ngày 28-7-2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn Ngô Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn L qua sự giới thiệu của bàn bè, đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào cuối tháng 10 năm 2008 và đăng ký kết hôn vào ngày 28-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Minh L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa. Cưới được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, nên không thống

nhất quan điểm trong việc giải quyết công việc gia đình, anh L không có trách nhiệm với gia đình nên không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên sống ly thân do anh L phải đi làm xa. Đến tháng 6/2013 khi vợ chồng sống gần nhau thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh L không có ý thức trong cuộc sống vợ chồng, do vợ chồng không có nhà riêng nên đang phải ở nhờ khu tập thể của Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Lát, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau gây mất an ninh trật tự khu tập thể, nhiều lần Ban quản lý khu tập thể phải can ngăn, anh L thường xuyên bỏ đi chơi suốt ngày đêm. Nguyên đơn, gia đình hai bên nội ngoại và hàng xóm xung quanh đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn, do anh L không thay đổi. Hai vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ cuối năm 2016. Nay, Nguyên đơn thấy không còn tình cảm với anh L, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được. Nên Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, để tôi yên tâm công tác và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là: Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016, hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Nguyên vọng của Nguyên đơn là được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, hình thức đóng góp hàng tháng. Tại phiên tòa, Nguyên đơn không yêu cầu anh Nguyễn Văn L đóng góp phí tổn nuôi con chung, khi nào Nguyên đơn thấy cần thiết sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác, vì Nguyên đơn xét thấy từ lâu nay anh L không chu cấp tiền để lo cho gia đình và con cái nhưng Nguyên đơn vẫn đảm bảo được cuộc sống và nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

Tại Bản tự khai ngày 17-4-2017, Biên bản hòa giải ngày 02-6-2017 và ngày 28-7-2017; Đơn đề nghị 25-8-2017, bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Về Hôn nhân: Bị đơn thấy lời trình bày của Nguyên đơn là đúng một phần, việc Nguyên đơn trình bày Bị đơn không có trách nhiệm với gia đình là không đúng, do bị đơn trước đây không có công việc ổn định, hiện nay bị đơn đã mở quán hàn xì tại thị trấn Mường Lát, có thu nhập mỗi tháng vẫn chu cấp 5.000.000đ cho vợ để lo công việc gia đình và nuôi dạy con cái, bản thân vẫn thường xuyên chăm sóc con cái, Bị đơn thấy mình đã làm hết trách nhiệm của người chồng và người cha. Bị đơn thừa nhận là có những lúc do buồn chán cũng đã đi chơi bởi vài hôm. Hiện tại, Bị đơn thấy đang còn tình cảm với vợ, tình cảm vợ chồng chưa có gì là trầm trọng đến mức phải ly hôn như Nguyên đơn trình bày. Nguyên vọng không muốn ly hôn, muốn quay về đoàn tụ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn và Bị đơn có 02 con chung, như Nguyên đơn trình bày là đúng. Nguyên vọng, muốn được nuôi

đưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 cho đến khi cháu trưởng thành, đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 cho mẹ các cháu là Ngô Thị G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì Bị đơn không yêu cầu. Nguyên đơn có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chúng tôi thực hiện theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25-5-2017 và bản trình bày ngày 20-9-2017, cháu Nguyễn Hải N trình bày: Hiện tại cháu đang ở với mẹ và em. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ và em trai, vì cháu thấy ở với mẹ rất tốt, rất thoải mái, ở với mẹ thì mẹ sẽ có điều kiện tốt hơn để học hành, còn ở với bố cháu thì bố không có nhiều thời gian chăm sóc cháu như mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đối với Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo.

Hội đồng xét xử thực hiện đúng các nguyên tắc do luật định. Nguyên đơn chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong 02 lần xét xử, do đó, chưa chấp hành tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy: Vợ chồng chị G, anh L đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay nhưng không hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị G được ly hôn với anh L.

Con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh L có 02 con chung: Tên các cháu là Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 hiện đang ở với mẹ và nguyện vọng của cháu nam là muốn ở với mẹ, cháu Hoàng thì đang dưới 36 tháng tuổi. Nên giao cả 02 cháu cho chị G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý. Về cấp dưỡng thì do anh L là lao động tự do, nguồn thu nhập không ổn định, chị G có nguồn thu nhập ổn định từ lương do Nhà nước chi trả, chị G không yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung, vì chị cho rằng lâu nay anh L không đóng góp tiền để nuôi con, đặc biệt là từ khi 02 người sống ly thân, nên đề nghị của chị G là không yêu cầu đóng góp phí tổn nuôi con chung nên chấp nhận, khi nào chị có yêu cầu thì giải quyết ở một vụ án khác.

Tài sản chung, nợ nần chung: Chị G và anh L không yêu cầu chia tài sản chung và nợ nần chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 51, điều 56, điều 57, điều 59, khoản 2, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 116, điều 119 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị G với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 cho chị G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không ai được ngăn cản, cản trở anh L thăm nom con chung. Anh L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị G. Chị G và anh L có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi có đủ điều kiện quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Anh L đang cư trú và sinh sống tại: Khu 3, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng*: Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Ngô Thị G là Nguyên đơn; anh Nguyễn Văn L là bị đơn.

[4] *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng*: Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại 196, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần mà không có lý do. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Long là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] *Về hôn nhân*: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự tại các bản khai, Biên bản hòa giải, Đơn trình bày và tại phiên tòa thì: Nguyên đơn và Bị đơn được bạn bè giới thiệu đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc, tổ chức lễ cưới vào cuối tháng 10/2008 và đăng ký kết hôn vào ngày 28-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Minh L, huyện Hậu L,

tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 06 ngày 28-11-2008. Như vậy, chị G và anh L đã đăng ký kết hôn đúng pháp luật theo quy định tại điều 8 và điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị G xét thấy 02 vợ chồng không hạnh phúc, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ngô Thị G làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L, căn cứ khoản 1, điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Chị G làm đơn gửi đến Tòa án là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản khai, tại phiên hòa giải, Đơn trình bày của các đương sự và tại phiên Tòa thì chị G vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Tòa án xét thấy Chị G có nguyện vọng muốn xin ly hôn, anh L thì không muốn ly hôn và căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 21-7-2017 thì tình trạng hôn nhân của chị G và anh L đã trầm trọng, vợ chồng chung sống tại khu tập thể đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và khu tập thể đã phải can ngăn nhiều lần, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án cho giải quyết cho chị G và anh L ly hôn theo yêu cầu của một bên đối với chị Ngô Thị G và anh Nguyễn Văn L.

[6] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Trong quá trình chung sống thì chị G và anh L có 02 con, tên các cháu là Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016, hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Anh L và chị G thừa nhận đó là con chung của 02 người, căn cứ điều 88 Luật hôn nhân và Gia đình thì anh L và chị G có 02 con chung các cháu có tên như trên. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã không thống nhất được người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án thì chị G đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm thì chị G vẫn đề nghị được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh L vắng mặt tại phiên tòa, tại bản khai và biên bản hòa giải thì anh L đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 cho chị G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Tòa án xem xét đến yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hải N, căn cứ khoản 2, khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình thì giao các cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 cho chị G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không ai được ngăn cấm, cản trở anh L thăm nom con chung. Căn cứ: Điều 84, điều 116, điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình và mục 26 phần III của Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao và chị G không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng, thì anh L không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị G và có quyền yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con theo quy định. Chị G có quyền đề nghị thay cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

[6] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Nguyên đơn phải chịu án phí HN&GD sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 68, khoản 4 điều 147, Điều 227, 228 và 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào: Điều 8, 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 88, điều 116, điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngô Thị G.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Ngô Thị G ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 20-01-2016 và cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 12-02-2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị G phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGD sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp ngày 04-4-2017 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/001030 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt các Nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Minh Lộc, H. Hậu Lộc, T. Thanh Hóa;
- Nguyên đơn Ngô Thị G;
- Bị đơn Nguyễn Văn L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Tiến D